

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 18/01/2025

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Phạm Thị Minh Anh	Nữ	22/11/2003	Nghệ An	Kinh	8.0	7.5	55/QĐ17/2025	TH010658	
2	Lê Kiều Anh	Nữ	20/01/1998	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	56/QĐ17/2025	TH010659	
3	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	01/4/2000	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	57/QĐ17/2025	TH010660	
4	Nguyễn Đình Chinh	Nam	12/9/1983	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	58/QĐ17/2025	TH010661	
5	Đinh Thị Chuẩn	Nữ	16/6/1988	Quảng Bình	Chứt	6.3	7.0	59/QĐ17/2025	TH010662	
6	Hoàng Thị Kim Dung	Nữ	23/10/2002	Nghệ An	Kinh	5.0	9.0	60/QĐ17/2025	TH010663	
7	Phan Thị Hoàng Giang	Nữ	19/3/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	61/QĐ17/2025	TH010664	
8	Vũ Thị Hải	Nữ	18/4/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	62/QĐ17/2025	TH010665	
9	Trần Đình Hoài	Nam	12/3/1982	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	63/QĐ17/2025	TH010666	
10	Nguyễn Quang Huy	Nam	21/12/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	64/QĐ17/2025	TH010667	
11	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	15/11/1984	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	65/QĐ17/2025	TH010668	
12	Hoàng Thị Mộng Liễu	Nữ	15/9/1988	Quảng Bình	Kinh	5.0	5.0	66/QĐ17/2025	TH010669	
13	Tăng Thị Khánh Loan	Nữ	26/9/2004	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	67/QĐ17/2025	TH010670	
14	Cao Thị Luyện	Nữ	01/10/1987	Quảng Bình	Chứt	5.3	5.5	68/QĐ17/2025	TH010671	
15	Hồ Khánh Ly	Nữ	02/9/2003	Nghệ An	Thổ	5.7	7.0	69/QĐ17/2025	TH010672	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
16	Lê Thị Minh	Nữ	07/7/2004	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	70/QĐ17/2025	TH010673	
17	Cao Thị Lê Na	Nữ	03/12/1988	Quảng Bình	Kinh	6.0	6.5	71/QĐ17/2025	TH010674	
18	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	15/01/1998	Nghệ An	Kinh	7.7	6.5	72/QĐ17/2025	TH010675	
19	Nguyễn Thị Mỹ Nương	Nữ	03/5/1996	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	73/QĐ17/2025	TH010676	
20	Nguyễn Tuấn Phong	Nam	17/12/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	74/QĐ17/2025	TH010677	
21	Nguyễn Thị Phương	Nữ	18/8/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	75/QĐ17/2025	TH010678	
22	Đậu Minh Quý	Nam	14/11/1993	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	76/QĐ17/2025	TH010679	
23	Lê Thị Sinh	Nữ	20/4/1991	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	77/QĐ17/2025	TH010680	
24	Nguyễn Văn Tâm	Nam	06/8/1988	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	78/QĐ17/2025	TH010681	
25	Nguyễn Thừa Thái	Nam	29/5/2001	Hà Tĩnh	Kinh	8.0	9.0	79/QĐ17/2025	TH010682	
26	Nguyễn Thị Linh Thảo	Nữ	24/12/2001	Nghệ An	Thái	7.0	5.0	80/QĐ17/2025	TH010683	
27	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	13/01/2002	Hà Tĩnh	Kinh	7.7	9.0	81/QĐ17/2025	TH010684	
28	Hoàng Hải Yến	Nữ	23/9/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	82/QĐ17/2025	TH010685	

